

## Phố xưa trường cũ

Trong cõi nhân sinh có những chuyện rách gời rơi xuống để...thành chuyện không ra chuyện như của tôi đây chẳng hạn: Số là cùng một văn đàn, tôi eo óc với một văn hữu theo Tây học, nhưng Hán Nôm thì thông thiên địa nhân viết nho “thiên trời địa đất, cửu cửu tồn còn, tửu tửu con cháu, lục sáu tam ba, tiền trước hậu sau”. Vì vậy trên dưới mười năm, tôi trích đoạn những tiểu luận của ông đưa vào *Chữ nghĩa làng văn* của tôi.

Liệu oản đọc kinh tên cúng cơm của ông là Nguyễn Dữ khiến tôi chữ tác đánh chữ tộ, chữ ngộ thành chữ quá với...

Nguyễn Dữ là người *Hải Dương*. Chưa rõ Nguyễn Dữ sinh và mất năm nào. Tương truyền ông là học trò của Tuyết Giang Phu Tử Nguyễn Bình Khiêm và bạn học của Phùng Khắc Khoan, tức là *vào khoảng thế kỷ 16*.

Sáng tác *duy nhất của ông* là *Truyền kỳ mạn lục (Ghi chép tản mạn những truyện kỳ lạ được lưu truyền)*.



Sách gồm 20 truyện, viết bằng chữ Hán, theo thể loại tản văn, xen lẫn biên văn và thơ ca, cuối mỗi truyện đều có lời bình của tác giả hoặc của một người có cùng quan điểm của tác giả. Tác phẩm được Nguyễn Bình Khiêm viết lời tựa.

(sách Tân biên truyền kỳ mạn lục)

Theo bản *Tân biên truyền kỳ mạn lục tặng bổ giải âm tập chú* in năm 1763, tên tác giả là Nguyễn Dữ. Trong *Việt Nam văn học sử yếu* (bản in lần thứ nhất, 1944, trang 290), của Dương Quảng Hàm, đầu sách in là Nguyễn Dữ, song ở cuối sách, tác giả đính chính lại là Nguyễn Dữ. Theo Nguyễn Cẩm Xuyên tên tác giả *Truyền kỳ mạn lục* là *Nguyễn Dữ* (阮璵). Chữ 璵 thuộc bộ ngọc vốn có nghĩa rất đẹp, là tên một loại ngọc quý; *Từ nguyên tự điển* chú cách đọc chữ này như sau: 璵 以 諸 切; 魚 韻 (DỮ: dĩ chữ thiết, ngư vận). Vậy chữ này đọc là "Dữ" chứ không đọc là "Dữ".

Nắng thủng thỉnh, mây lang thang, một ngày tôi vợ bèo gạt tép ông bạn văn hữu và tôi cùng học trường tiểu học Quang Trung, Hà Nội. Năm ngày chày tháng, tôi bơ ngỡ thêm, cả hai cùng ở phố Chợ Đuôi thế nên mới có bài tạp bút *Phố xưa trường cũ* này.

Tuy nhiên nhè vào năm bảy, tám tuổi trong ngõ nhỏ thâm u của ký ức, lờ mờ như khói, lảng đãng như sương thế nào chẳng có những rơi rớt theo cái tuổi mới nhi bắt hoặc đã cổ lai hy. Vì vậy tôi một mình về thăm ký ức căn nhà ở số 123 phố Bà Triệu của ông cụ bà cụ thuê trước đã: "...Về Hà Nội, gã đảo qua căn nhà tại phố Bà Triệu. Từ bên ngoài cổng đóng im ỉm, gã mừng tượng bên trong có mảnh sân lát gạch đỏ. Như đoạn phim quay chậm, một khòen ký ức thoáng hiện về trong khoảnh khắc, gã thấp thoáng bắt gặp hình ảnh cô bé ngày xưa, đang nhảy dây, chơi ô quan ở đấy..."

Ông cụ tôi năm thỉnh mười thoáng gọi căn nhà này khi phố Bà Triệu, lúc phố Lê Lợi. Bất sĩ hạ vấn nôm là *không mất sĩ diện gì mà không hỏi*...bèn hỏi thăm ông Google: Phố Bà Triệu trước đây, phần đầu phố có tên là Hàng Giò. Đến thời Pháp thuộc tách làm hai: phần đầu từ Hàng Khay đến Nguyễn Du mang tên Gia Long, phần từ Nguyễn Du tới Đại Cồ Việt mang tên *Lê Lợi*. Sau năm 1945, phố Lê Lợi đổi thành phố *Bà Triệu*.

Vẫn chưa xong cái khổ nạn với ký ức lãng đãng như sương qua bài tạp bút *Phở biên niên cổ sự* ở cái tuổi nói tiếng đất, quên tiếng trời:

“...Ăn ngay nói thật với bác: Tôi là người xơi phở từ thuở còn mặc quần thủng đít, bám như cua cấp theo ông cụ được ăn phở Hói ở phố Bà Triệu. Mà đến tiệm phở ông Hói đừng hòng hỏi đến rau ngò gai hay tương đen rương đồ ...”.

Ăn mặn nói ngay hơn ăn chay nói dối: Hà Nội 1954 làm gì có...tương đồ, hả giờ.

\*\*\*

*Hà Nội mùa thu, cây cơm nguội vàng, cây bàng lá đỏ, nằm kề bên nhau, phố xưa nhà cổ, mái ngói thâm nâu (Trịnh Công Sơn)*. Ừ thì cũng đến lúc quang gánh trở về với phố Chợ Đuối ở cái tuổi mới lớn qua bút ký *Thằng em cán gáo*:



“...Nghiep ngao the nao cha biet nua, xem bộ “tape” *Những tình khúc bất tử* quay cảnh phố phường Hà Nội. Máy quay phim ngừng lại ở khoảnh tường loang lổ nào đó có cái bàn cắt tóc. Nếu như ông kính nhích thêm chút nữa, có cái cổng gỗ hai cánh nặng nề, thì...thì đúng là căn nhà của ông via bà via tôi ở số 26 phố Chợ Đuối, mái ngói đỏ ịch ngày nào đã ngả sang màu nâu đất.

(ảnh minh họa)

Sáng sáng...”thầy” thằng em mang đồ nghề ra cái tường bên hông nhà, treo cái gương, đặt cái ghế, thùng đồ nghề “tông-đơ”, dao cạo, kéo, lược. Sau đó tôi mới biết ông chú tôi là phó cạo ở phố Lê Lợi, Thái Bình. Suốt ngày thằng đầu gáo ở bên chỗ cắt tóc, lúc bùng chậu nước cạo râu, khi vò khăn lau mặt. Vắng khách, tôi khêu thằng em chơi đáo, ăn thua bằng nắp chai bia, hay nắp chai “limonade” đập tõe ra. Và tôi lên mặt dân Hà Nội, chỉ bảo cho thằng nhà quê chơi đáo tường.

Đất có thổ công, sông có hà bá, sang đến đánh khăng tôi nhường cho thằng dân đồng chua nước mặn. Trò chơi gì mà khoét cái lỗ nhỏ hình chữ nhật, thằng đầu gáo chỉ cho tôi đặt cái khăng con nằm dọc theo cái lỗ, nhích đi nhích lại...và dặn dò: “Đằng ấy lấy cái khăng cái gỗ vào cái khăng con này nhá, đọi nó...nhảy lên nhá”. Thì cứ như thật với ông giăng ông giăng, ông giăng búi tóc, ông khóc ông cười, mưởi ông một cổ, đánh nhau vỡ đầu. Vì...vỡ đầu thật. Một bữa cái khăng con nhè trán tôi táng một cái bốp...”.

Bỗng không tôi để cái đầu đi hoang: dám người văn hữu theo Tây học, nhưng nho chum ngày ấy chơi đánh khăng, chơi đáo tường với nhóc tôi lắm ạ, ai biết đó là đâu?!

\*\*\*

Viết về Hà Nội, chữ nghĩa nó bập vào người thường là sĩ phu Bắc Hà, hay Hà Nội thanh lịch, hoặc gần đây với...”phở mắng cháo chửi”, ít ai quan hoài đến cái thú thứ nhất quân công, thứ nhì...ị đồng. Số là trong bức tường, sát cái cổng gỗ nặng nề...*chuồng xí*. Ký ức như sương khói tôi lay dây tới cái chuồng xí có cái bệ xi măng cao nghêu. Những ngày còn bé tẹo leo lên ngòi trên hai hòn gạch như cóc nhảy, thả nợ đời xuống cái thùng tôn đựng phân. Qua ký ức mù sương của tôi, ấy là thùng dầu hôi của hãng Shell in hình nổi con sò. Ngày ấy còn bé, tôi không biết dân làng Cổ Nhuế lấy phân như thế nào vì họ lấy vào ban đêm.

Cụ Tô Hoài, ba đời uống nước máy Hà Nội kể lẽ phen Kể Noi đẩy xe bò, những chiếc thùng tôn rỗng kêu “lanh canh, lạnh canh”. Đó là chiếc xe ba gác một người kéo, một người đẩy. Trong đêm khuya thanh vắng, tiếng bánh xe gỗ cọt két lăn trên đường phố trong gió heo may. Tới cửa nhà, sau tiếng đập cửa thình thình vọng vào nhà là hai tiếng...“đổ thùng...đổ thùng” lạc lõng vào bóng đêm.

Gánh phân với Hà Nội ngàn năm văn vật, qua nhà văn Nguyễn Bá Trạc:

“...Cái cầu tiêu thừa ấy gọi là “nhà xí” nằm ở cuối căn nhà của bà nội tôi ở đường Hàng Bông Thợ Ruộm. Cầu tiêu này xây bằng xi măng, cao khỏi mặt đất hơn một thước. Có mấy bậc thang để bước lên. Vào cầu tiêu là thấy cái lỗ. Hai bên có hai cái bệ nhỏ, *hình hai bàn chân để ngồi xôm xuống* mà bài tiết. Dưới lớp xi măng được xây thành chỗ trống, đặt *một cái thùng tôn đựng phân*. Sau đây nhà liền vách của đường Hàng Bông Thợ Ruộm có con đường nhỏ chỉ đủ lối cho *những người đổ thùng qua lại*. Họ đi lối này, kéo những thùng tôn của mỗi nhà, đổ vào *những cái thùng có trám hắc ín* mà gánh đi. Tôi còn nhớ hình ảnh những người đổ thùng ở Hà Nội bấy giờ. *Họ thường đi thành hàng dài 5, 6 người. Mỗi người đều có đòn gánh trên vai, hai đầu hai cái thùng.*”



Trong cuốn *Kỹ thuật của người An Nam* (Technique du Peuple Annamite), xuất bản năm 1910, người Pháp tên Henri Oger, làm việc ở Đông Dương từ 1907 đến 1909, có vẽ hình một bản những người dân làng Cổ Nhuế gần Hà Nội. Làng này bấy giờ có truyền thống làm nghề hốt phân về để bán. Có lẽ họ là những người đổ thùng ở Hà Nội mà tôi thấy khi lớn lên.

\*\*\*

Năm nào không nhớ, qua bài *Nhất bạch, nhì vàng, tam khoang, tứ đốm*, tôi lêu bêu với quá khứ, từ bức tường có bên hông nhà có...“tiệm hốt tóc tường”, đi ngược con đường bên hông, nhưng không nhớ là phố gì tới cuối phố:

“...Cũng như bài tạp bút này, đầu phải ăn không ngồi rồi mà có, cũng tầm chương trích cú chuyện xưa tích cũ cả đấy. Tôi to bậm thêm ngẫu sự của chính tôi. Chuyện là ngày bảy, tám tuổi, ông bác buồn tình sai thằng cháu đi mua thịt chó về làm một cử cho quên mưa phùn gió bắc se se lạnh. Trên đường về, một là tay cầm đĩa thịt luộc phủ lá chuối, hai là tay cầm cút rượu trắng, nút lá chuối khô. Nhóc tôi dò dẫm bấu năm đầu ngón chân xuống mặt đất vì chỉ sợ vò ếch thì rõ...trơ mắt ếch. Lum khum về đến nhà, chẳng hiểu có sự gì mỗi thứ chỉ còn một nửa. Vận óc nghĩ không ra, đến gần cả đời người tôi vẫn chịu không hiểu nổi cái ngẫu hứng có túc duyên với thịt chó này...”

Ấy vậy mà tôi chả thấy chợ Đuối đâu, kể cả mòn dép trên vỉa hè phố Chợ Đuối?

Sa đà đến chợ búa, phố phường Hà Nội theo ai đấy, nhiều khê không phải là ít:

“...Nguyên vài ba thế kỷ trước, từ thời Phạm Đình Hổ còn ngôi nhà mình ở Phường Hà Khẩu tức Hàng Buồm ngày nay, ông đã ghi lại. Thăng Long có phố người Trung Hoa, được gọi là người Đường, tức Đường Nhân (vì có nguồn cho rằng: vào đời Đường, người Tàu qua nước ta từ thời Khúc Thừa Dụ tự xưng là Tiết độ sứ 905-907), người Pháp dịch chữ đó thành người Quảng Đông, tức là Cantonnais. Có thuyết giải thích: Thời đó, phố này có cái điểm canh nằm ngang nơi đầu phố nên gọi là Hàng Ngang. Nhưng nghe không ổn, vì cũng có một phố nữa có *cái đình nằm ngang đầu phố* như thế, từng có ngôi nhà của Cao Bá Quát, một danh sĩ lừng danh, phố ấy nay còn có tên cũ: Phố Đình Ngang.

Hà Nội có phố Hàng Chuối. Phố này buôn chuối thời nào? Thừa không. Đây là khu bãi hoang. Cho đến những năm 20 của thế kỷ 20 còn hoang vắng lắm, đó chỉ là bãi trồng chuối cho quân lính nuôi voi. Người Pháp mở mang phố, lấy luôn bãi đó mà thành tên. Nhưng có một phố theo thông lệ, bán mặt hàng đó mà thành tên như Hàng Buồm bán vĩ buồm, Hàng Giấy bán giấy, Hàng Bò bán bò...thì Hàng Cỏ chính là bán cỏ. Nguyên phố này khi chưa có đường rộng, *chưa có nhà ga xe lửa*, còn là bãi trống, ngày

ngày dân ngoại ô mang cỏ vào đây bán. Các chú lính trong thành ra mua về để nuôi voi nuôi ngựa. Tiếc là Hàng Cỏ ghi lại một thời, nay đã biến mất tên.

Hàng Đào buôn bán vải vóc tơ lụa. Nhưng kèm thêm nghề nhuộm, mà chỉ nhuộm màu tươi như đỏ, hồng... vì thế mới có tên Hàng Đào. Nối với nó là Hàng Ngang tên cũ gọi theo nghề nhuộm, chuyên nhuộm các màu xanh, lam, hồ thủy, vì thế Hàng Ngang từng có tên là Hàng Lam. Những màu khác lại phải nhuộm ở nơi khác. Vải đen nhuộm ở phố Hàng Vải Thâm gần đó. Vải nâu nhuộm ở làng Đồng Lãm, nổi tiếng về vải màu nâu. Riêng ngôi đình phố Hàng Vải Thâm thông thường có hàng nem rán nhân cua bẻ ngon nổi tiếng, chỗ ngồi xuềnh xoàng nhưng món thì thật ngon nên khách đông nghịt.

Phạm Đình Hồ gọi tác phẩm của mình là tùy bút, với nghĩa nôm na là tùy hứng, "muốn viết cái gì thì viết, *không cần kết cấu và mạch lạc*". Và đúng như "tùy theo ngọn bút mà viết trong mưa", qua *Vũ trung tùy bút*, ông tả cảnh phố cổ trong một đêm mưa sa bão táp: "...Phố Hàng Đào thời cổ, *nhà mái lá, mái ngói nhô ra thụt vào, không có vỉa hè*. Đường đất gồ ghề, rất hẹp, ngày nắng bụi mù, ngày mưa lầy lội, không có cống, nước tụ lại chảy thành rãnh hai bên vệ đường. Đêm khuya *hàng đàn chuột chạy hai bên đường tìm nước uống*."

Một trong các chợ khá to là chợ Mơ. Tên ấy vì sao mà có? Nguyên có chợ Hôm phía trên, bắt đầu đường thiên lý vào Nam, *chợ Hôm bị đuổi dạt xuống phía nam là...chợ Đuổi*. Còn chợ Mơ xây mới nên gọi là chợ mới Mơ. Mơ là tên gọi của quả mai. Khu vực này là đất trồng mai, *đất phong của tướng Trần Khát Trân đời nhà Trần*, có các làng thanh mai, hồng mai, hoàng mai có thứ quả mơ ngon nổi tiếng, rượu mơ cũng là đặc sản kinh kỳ. Thời Nguyễn kiêng tên húy của vua Tự Đức là Hồng Nhâm nên các chữ tên hồng cũ phải đổi. Khu vực hồng mai thành *Bạch Mai*, cả làng nay đã biến thành phố. Chợ ngày càng mở rộng, Hồng Mai chỉ còn trong trí nhớ của người già. Liệu chúng ta có thể giữ gìn một Hà Nội, với những dòng tên thật đặc biệt mang theo bao dấu ấn của nhiều thời đại đã qua?..."

Thì như đã thừa thốt, chợ Đuổi với những tơ vương thế này đây:

"...Đầu thế kỷ 20, chợ Hôm là chợ sầm uất chỉ thua chợ Đồng Xuân. Cuối buổi chợ có "khán chợ" đóng cửa, giải tán họp chợ. Vì buổi chiều buôn bán vẫn còn, những người bị..."đuổi" kéo nhau xuống bãi cỏ ở làng Thế Giao họp chợ, họ hình thành một chợ cóc, gọi là *chợ Đuổi*. Chợ họp vào buổi chiều từ chợ Hôm xuống.

Những già làng ở Hà Nội với câu ca dao:

*Chợ Đuổi họp lúc chiều tà*

*Chợ Hôm họp sáng, chợ hàng Da họp ngày*

Khi người Pháp mở con phố đi qua chợ này, họ đặt tên Tây là rue Goussard (phố Gút-xa), nhưng dân gian gọi là *phố Chợ Đuổi* để thành tên. Năm 1945, cụ Đốc lý Trần Văn Lai đổi tên là phố Thái Phiên, năm 1954, quay lại tên cũ là phố Chợ Đuổi.



Vào khoảng những năm 30-40, *chợ Đuổi ở phố chợ Đuổi bị giải tán*, chợ bị dồn xuống cuối phố Bà Triệu trên một khu đất trống. Dân gian vẫn gọi chợ này là chợ Đuổi, để phân biệt với chợ Đuổi đầu tiên ở phố Chợ Đuổi.

(phố Chợ Đuổi ngày nay)

Nhiều người ba đời uống nước máy Hà Nội vẫn còn ấn tích quán cháo lòng tiết canh của bà Tình trong chợ Đuổi lâu đời



nhất ở Hà Nội. Sau này do chủ trương dẹp các chợ cóc, chợ Đuối bị giải tán. Tôi (Băng Sơn) mong rằng qua bài viết này, những người Hà Nội (mới) mỗi khi có dịp đi trên con phố này đã từng được gắn biển suốt 17 năm là phố Chợ Đuối và cũng ở đây xưa kia có một cái chợ dân sinh mang tên Chợ Đuối.

Tôi là dân “ngụ cư” Hà Nội từ năm 1950 tới 1954 (cụ Tu nghiệp Quốc tử giám Chu Văn An 1299-1370 chỉ ở Thăng Long không quá ba năm nên vẫn chỉ là “dân ngụ cư” – nguồn: Nguyễn Huệ Chi *Nhận diện văn học Thăng Long mười thế kỷ*). Bởi tôi đã mòn dẹt trên vỉa hè phố Chợ Đuối mà không thấy ngõ đâu, thêm một lần ăn mày chữ nghĩa của cụ Tô Hoài qua *Chuyện cũ Hà Nội*: “...Hà Nội là làng mạc xen kẽ trong phố. Hà Nội 36 phố phường hình thành từ những làng quê, ngày nay dấu ấn “làng” hiện rõ nét nơi phố nhỏ, nơi ngõ ngang ngõ dọc uốn lượn, quanh co như đường làng trong một Hà Nội sầm uất. Xưa kia những con đường mòn ngoằn ngoèo như vết trâu đái từ làng ra đồng. Theo thời gian, con đường làng với lối chân trâu len lỏi trong phố trở thành *ngõ* quanh co giữa lòng Hà Nội. Hà Nội có nhiều ngõ, thậm chí ngõ nổi ngõ, trong ngõ còn có ngách, trong ngách còn có hẻm. Trong con ngõ hẹp, cấm cúi đi tới nửa ngõ...con ngõ cụt, ngẩng đầu lên bắt gặp *cái cổng tam quan tự thuở nào còn sót lại...*”.

Chả nói đâu xa, địa chỉ bà chị cùng cha khác mẹ của tôi với ngõ và ngách: 26 ngách 6, ngõ 76, phố Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội. Địa chỉ gì mà dài ngoằng ngoẵng mệt nghỉ như thế đấy. Thế nhưng vẫn theo cụ Tô Hoài, Hà Nội vẫn còn nhiều nhà...“nhà không số, phố không tên”.

Văn mình vợ người, được thể tôi bốc nhằng:

Trở lại chuyện “ri cư” vì ông via tôi đội mũ chào mào Bảo Chính Đoàn có cấp bậc, nên tính chuyện vào Nam trước ngày chia đôi đất nước. Gia đình tôi vào Nam trước hiệp định năm 54 mấy tháng, tạm trú tại trại gia binh. Đầu năm 1955, trại gia binh được sửa chữa để sinh viên Hà Nội làm nơi trọ học, sau đổi tên là *Đại học xá Minh Mạng*. Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi, đi đâu lang thang cho đời mỗi mệt, trên đôi vai ta hai vầng nhật nguyệt, rọi suốt trăm năm một cõi đi về (Trịnh Công Sơn), cái cầu tiêu Hà Nội lại theo tôi vào Sài Gòn. Nhóc tôi 10 tuổi láo ngáo thấy chuồng xí Sài Gòn khác Hà Nội bên trong trống trơn. Còn ở đây gắn vào tường là cái gì ấy như cái nồi ba mươi. Thấy sợi giây xích bèn giật một cái chơi. Bó mẹ ơi, nó rống lên một tràng “ôm ôm” như bò rống. Nước ào ra xối xả. Thế là bung cửa chạy ra ngoài la bãi hải, vậy là...“tịt” đi cầu.

Bởi chừng ông cụ sửa soạn đưa cả nhà vào Nam, tôi được nghỉ học. Đéo bà via tí tiền còm, tôi dẫn...thằng ‘le nhaque’ đi “bát phố”. Tôi đưa thằng em đi xem...“xi-nê thùng”. Tôi chỉ cho thằng nhà quê dí mắt vào cái lỗ xem phim câm, máy chạy...“tách tách” chiếu phim Tarzan đu rế cây, đóng khổ hú vang trời vang đất. Tôi “bao” thằng nhà quê “mút” kem Cẩm Bình bọc sô-cô-la ở gần nhà trên phố Chợ Đuối. Hoặc đến hàng kẹo kéo, tôi huếch với thằng em ông bán kẹo kéo...kéo dài ra rồi...“búng” cái cách. Thằng em bĩu môi: “Tớ búng bi đâu có thua gì”. Chưa hết, tôi còn hù thằng em bằng cách dẫn tới chỗ tôi học vẽ, để xem ông Mạnh Quỳnh vẽ *Cao bồi Hà Nội*. Trên đường tới đền Hai Bà Trưng ở làng Hòa Mã bên kia phố Huế, qua tiệm sách ở phố Chợ Đuối, ngoài cửa kính bày bìa sách vẽ *Long Hình Quái Khách*, *Hỏa Thiêu Hồng Liên Tự*. Hù xong tôi đi...qua tiệm sách luôn vì thằng em đâu...biết đọc. Tôi còn dạy thằng cán gáo tiếng Tây: lenhaque là...thằng nhà quê, lơ sơ vợ là...anh sợ vợ, lanh canh là...cái tàu điện, đánh đồng là...cái đình đồng, v...v...

Những tên sách tàu tàu *Long Hình Quái Khách*, *Hỏa Thiêu Hồng Liên Tự*...Ăn ngay nói thật sau này tôi góp nhặt ở báo chợ, báo chùa. Còn tiết mục *lơ sơ vợ là...anh sợ vợ, lanh canh là...cái tàu điện, đánh đồng là...cái đình đồng, v...v...tôi học ông Vũ Bằng dạy*

cụ Ngô Tất Tố tiếng Pháp. Cầm giả lịnh giả thị, *ai cầm người mang bị nói khoác* với kem Cầm Bình tôi bị hồng căng bởi ông Vũ Thế Long không biết từ lỗ nẻ nào chui lên:

“...Tôi (Vũ Thế Long) con nhà nghèo, ngày ngày cắp cặp đi học *qua chợ Hôm, qua cửa hiệu kem Cầm Bình phố Huế* rồi rẽ *đường Nguyễn Du* (sic - sau 75) để đến trường *Quang Trung*. Đi qua hiệu kem nhìn vào thấy người ăn đông nghịt, thèm lắm mà chẳng mấy khi có tiền mua kem. Trong cửa hàng những chiếc quạt trần cánh gỗ sơn đen sản xuất từ đầu thế kỷ mà người Hà Nội gọi là *quạt trần bát điếu* quay vù vù. Trên tường, ghi các loại kem. Tôi đọc thấy có kem cốc hai màu, ba màu (mỗi màu là một loại kem: Màu nâu là sô cô la, màu hồng là kem dâu tây, màu trắng là kem dừa, kem sữa...)...”.

\*\*\*

Tuổi già mẫn bóng, ký ức phố Chợ Đuối, chuyện nào có ra chuyện như lược con trâu cả con trong nôi rồi cũng đến lúc phải khép lại.

Ngày lui tháng tới, đưa người văn hữu thượng thông thiên văn, hạ thức địa lý, trung trí nhân sự *người hãy nhớ mang theo hành trang, qua khoang trời vắng chân mây địa đàng (Trịnh Công Sơn)* về thăm lại trường cũ. Số ruồi, tới tuổi tịch dương vô hạn hảo với bệnh già, những gì xa thì nhớ, gần lại quên...Xa như Nguyễn Dữ người Hải Dương, sinh vào thế kỷ 16, cùng thời với cụ Nguyễn Bình Khiêm, Phùng Khắc Khoan, tên đứng ra là *Nguyễn Dư*. Gần lại quên, tôi hai quên một nhớ trường tiểu Quang Trung nằm trên đường Quang Trung, gần hồ Ha-le (Halais).

\*\*\*

Nhế này ắt phải hỏi người đồng môn Nguyễn Dư của tôi vào một ngày nào đấy.

Ừ thì bằng vào những gì được nhắc tới qua tạp bút này chỉ là một thoáng ngày cũ, một chút cánh xưa, một phần hơi thở và nhịp sống của Hà Nội qua mái trường nho nhỏ trong tâm khảm. Mây vẫn bay, ngày vẫn trôi đi, ai chẳng có con phố của riêng mình đang mờ nhạt nơi quê nhà...

Thạch trúc thảo lư  
Giáp Thìn 2024  
Ngô Không Phí Ngọc Hùng

Nguồn: Việt Cường, Nguyễn Bá Trạc (ở Phần Lan), Băng Sơn, Lan Hương